

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 12 năm 2022  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo;
- Bà Vũ Thị Kim Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Diệp L - sinh năm: 1982; trú tại: Tổ dân phố số 05, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí T - sinh năm: 1986; trú tại: Tổ dân phố số 05, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16/9/2022, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/10/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Diệp L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167 quyển số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau

nên thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Chị L còn phát hiện anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ mấy tháng nay. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng nên hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Diệp L1 - sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Chí L2 - sinh ngày 06/8/2021. Các con chung hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung vợ chồng.

\* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/10/2022, bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Phan Thị Diệp L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167 quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có tình cờ quen biết với một người phụ nữ và có phát sinh tình cảm với người này, có đi chơi với nhau vài lần tuy nhiên sau đó anh T đã tự chấm dứt mối quan hệ này nhưng chị L vẫn còn nghi ngờ, ghen tuông. Anh T cũng đã xin lỗi, năn nỉ để vợ chồng quay về chung sống với nhau nhưng chị L không đồng ý. Khoảng hơn một tháng nay vợ chồng đã không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Tuy nhiên anh T vẫn còn yêu thương chị L. Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh T không đồng ý, anh T muốn vợ chồng đoàn tụ quay về chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Diệp L1 - sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Chí L2 - sinh ngày 06/8/2021. Nếu ly hôn, anh T yêu cầu giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và

Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Diệp L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T trú tại tổ dân phố số 05, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Chí T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị Diệp L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh T theo chị L trình bày là tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Điều này làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Và tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2022, tuy anh T không đồng ý ly hôn với chị L nhưng anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị L nghi ngờ, ghen tuông; vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Mặt khác, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt, chứng tỏ anh T đã bỏ mặc, không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị L nữa. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị L.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Diệp L1 - sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Chí L2 - sinh ngày 06/8/2021. Chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị L thì thấy: Các con chung hiện đang do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu L1 có nguyện vọng được mẹ trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, tuy anh T vắng mặt nhưng căn cứ Biên bản lấy lời khai của anh T thì anh cũng đồng ý giao các con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị L. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T thống nhất xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Diệp L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phan Thị Diệp L được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Diệp L1 - sinh ngày 11 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Chí L2 - sinh ngày 06 tháng 8 năm 2021 cho chị Phan Thị Diệp L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị L, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Diệp L và anh Nguyễn Chí T không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Diệp L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên L thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003531 ngày 17 tháng 10 năm 2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- ( Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã VT;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Vũ Tuyết Mỹ**

